

# NGUYÊN TẮC NHÂN ĐẠO TRONG LUẬT HÌNH SỰ: NHÌN TỪ GÓC ĐỘ LỊCH SỬ NHÂN LOẠI

*Hồ Sỹ Sơn\**

Nhu cầu tìm kiếm các phương tiện, biện pháp và giải pháp đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm một cách có hiệu quả thôi thúc các nhà luật học quan tâm nghiên cứu các nguyên tắc của luật hình sự, trong đó có nguyên tắc nhân đạo. Cho đến nay đã có khá nhiều công trình nghiên cứu đề cập nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự, song chưa có một công trình nghiên cứu nào viết về khía cạnh lịch sử của nguyên tắc này. Trong khi đó, các nguyên tắc nói chung và nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự nói riêng chỉ đúng và đáng tin cậy khi chúng phù hợp với tự nhiên và lịch sử. Với lý do đó, tác giả bài viết này thông qua việc xem xét lịch sử hình thành và phát triển của tư tưởng nhân đạo mà sau này là chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa, rồi nguyên tắc của pháp luật xã hội chủ nghĩa, để đi tìm cơ sở lý luận và thực tiễn của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự nước ta.

Trước hết cần khẳng định rằng, bất kỳ một hệ thống pháp luật nào, dù ở mức độ nhiều hay ít, cũng đều phản ánh các quan hệ giai cấp trong hình thái kinh tế - xã hội tương ứng, phản ánh một hệ thống các giá trị cũng như các lợi ích kinh tế và các lợi ích chính trị của giai cấp thống trị trong xã hội. Hệ thống pháp luật thay đổi và phát triển một cách tương ứng cùng với sự phát triển của xã hội. Do vậy, không phải ngẫu nhiên mà C. Mác và Ph. Ăng ghen đã nhấn mạnh rằng “cũng giống như tôn giáo, pháp luật không có lịch sử riêng của mình”<sup>1</sup>. Lịch sử

phát triển của xã hội loài người chứng minh rằng, nếu chúng ta nghiên cứu các nguyên tắc của luật hình sự, trong đó có nguyên tắc nhân đạo, dễ nhận thấy rằng, tên gọi và nội dung của chúng luôn tương hợp với các quy tắc tổ chức đời sống xã hội của một thời đại cụ thể, với cơ cấu giai cấp, với các quan điểm chính trị, với nội dung của các quan hệ xã hội ở thời đại mà chúng ta đề cập nghiên cứu.

Như chúng ta đã biết, trong xã hội cộng sản nguyên thủy đối với tất cả những người có hành vi vi phạm quy tắc xử sự chung của thị tộc đều bị áp dụng biện pháp cưỡng chế do thị tộc đặt ra và được toàn thị tộc chấp nhận. Các phương thức phản ứng của xã hội đối với người vi phạm theo kiểu “răng đền răng” “mạng đền mạng” dần dần được hình thành và muộn hơn là phương thức “chuộc bằng tiền hoặc bằng hiện vật” có lợi cho người bị hại hoặc cho cả thị tộc, được áp dụng tương đối rộng rãi.

Cùng với sự phát triển của xã hội, chế độ tư hữu ra đời, xuất hiện các quan hệ xã hội đối kháng và ngay trong quá trình tan rã của chế độ cộng sản nguyên thủy, Nhà nước dần dần nắm lấy chức năng bảo vệ các quan hệ xã hội mới. Cùng với sự phân hoá giai cấp, củng cố quyền lực Nhà nước, xuất hiện nhóm người chuyên thực hiện công việc xét xử, trong đó có xét xử về hình sự và như vậy, các nguyên tắc của luật hình sự cũng ngày càng mang bản chất giai cấp sâu sắc.

Nguyên tắc cơ bản của xã hội chiếm hữu nô lệ là sự bất bình đẳng giữa con người và con người thuộc các giai cấp và tầng lớp khác nhau và điều đó được phản ánh vào pháp luật, trong đó có luật hình sự. Chẳng hạn, Đạo luật Hammurapi (thế kỷ XVIII

\* Thạc sỹ Luật học, Viện Nhà nước và pháp luật

<sup>1</sup> Xem: C. Mác, Ph. Ăng ghen, Toàn tập, Tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia Liên xô, Mátxcova tr. 64 (tiếng Nga).

trước công nguyên), tại các điều từ 200 đến 205 quy định rằng “một người đánh gãy răng của người khác, thì người đánh sẽ bị bẻ gãy chính chiếc răng đó. Nếu người nào đó đánh gãy răng của người chủ thì phải nộp phạt một phần ba lạng bạc cho người chủ. Nếu người nào đó đánh vào mặt của người chủ có địa vị xã hội cao hơn thì sẽ bị đánh sáu mươi roi bằng roi da. Nếu một người đánh vào mặt một người khác mà cả hai đều là người chủ, thì người đánh phải nộp phạt cho người bị đánh mười phân bạc. Nếu người nô lệ mà đánh vào mặt của bất kỳ ai cũng đều sẽ bị cắt tai”<sup>2</sup>. Nguyên tắc “miếng trả miếng” trên đây cũng đã được quy định trong Đạo luật Manu (thế kỷ II – I, trước công nguyên), theo đó mức độ trách nhiệm hình sự được áp dụng tùy thuộc vào địa vị xã hội của người phạm tội cũng như của người bị hại. Trong các trường hợp phạm tội giết người, nếu người bị giết là người chủ thì người phạm tội sẽ bị trừng trị nặng hơn cả. Chẳng hạn, nếu người bị giết là chức sắc quân sự, tư thương và thợ thủ công, nô lệ, thì mức hình phạt áp dụng đối với người phạm tội chỉ bằng một phần tư, một phần tám hay một phần mười sáu so với trường hợp giết người chủ của mình.

Việc ghi nhận và thực hiện nguyên tắc bất bình đẳng về đẳng cấp, việc quan niệm người nô lệ “là công cụ biết nói” tất yếu dẫn đến việc ghi nhận và thực hiện nguyên tắc buộc tội khách quan, không đếm xỉa gì đến các nguyên tắc lỗi và trách nhiệm cá nhân. Trong một loạt các trường hợp, cũng vì vậy mà hình phạt đã được quy định đối với tội phạm đã được áp dụng đối với những người thân của người phạm tội.

Các quy phạm pháp luật hình sự tương tự cũng được ghi nhận trong luật hình sự phong kiến. Dĩ nhiên, việc ghi nhận ở mức độ nhiều hay ít cái gọi là nguyên tắc pháp chế

hay ngược lại cái gọi là nguyên tắc suy xét rộng rãi của Vua, Chúa hoặc của giới quý tộc phong kiến, tùy thuộc vào chế độ chính trị của nước này, hay nước khác. Sự bất bình đẳng về giai cấp và đẳng cấp cũng là đặc trưng của xã hội phong kiến. Chẳng hạn, luật hình sự nước Nga từ thế kỷ thứ IX đến thế kỷ thứ XI có quy định loại hình phạt chuộc tiền, theo đó nếu giết người, người phạm tội phải nộp tiền chuộc bốn mươi rúp; giết người mà người bị giết là chức sắc Nhà nước, thì người phạm tội phải nộp tám mươi rúp tiền chuộc. Trách nhiệm hình sự tập thể cũng được quy định để áp dụng đối với cả vợ và con của người phạm tội. Hình phạt tiền được quy định muộn hơn trong pháp luật hình sự để thay thế cho hình phạt tử hình nhưng chỉ được áp dụng đối với người phạm tội là người thuộc giới quý tộc phong kiến. Nhà nước phong kiến càng phát triển bao nhiêu thì giai cấp nông dân và tầng lớp thợ thủ công càng bị bóc lột thậm tệ bấy nhiêu. Trong lĩnh vực luật hình sự, Nhà nước phong kiến ngày càng thực hiện mạnh mẽ chính sách trừng trị nghiêm khắc, mở rộng phạm vi áp dụng hình phạt tử hình và các hình phạt mang tính chất tàn bạo khác. Chẳng hạn, dưới triều Vua Carl V, tất cả các tội phạm đều có khung hình phạt cao nhất là tử hình và hình phạt này được thi hành bằng những hình thức vô cùng dã man và tàn bạo<sup>3</sup>.

Nói đến sự hà khắc của luật hình sự phong kiến, sẽ là không đầy đủ nếu không nói đến Tòa án giáo hội. Xét đến cùng, Tòa án giáo hội là công cụ tàn bạo được nhà thờ và Nhà nước sử dụng để đàn áp những người chống lại chúng. Chỉ tính riêng ở Tây Ban Nha, trong thời gian tồn tại của mình, Tòa án giáo hội đã thiêu sống hơn ba trăm ngàn người và áp dụng các hình phạt dã man đối

<sup>2</sup> Xem: Tập hợp tuyển về lịch sử Nhà nước và pháp luật các nước ngoài, Nxb pháp lý, Matxcova, 1984, tr.22 (tiếng Nga).

<sup>3</sup> Xem: Pháp luật hình sự nước Nga từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XX, Nxb pháp lý, Matxcova, 1984, tập 1, tr.64 (tiếng Nga).

với hơn ba trăm ngàn người khác<sup>4</sup>. Tập hợp tất cả những quy phạm mà Toà án giáo hội đã áp dụng chúng ta có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng, những quy phạm này hoàn toàn trái ngược với tất cả những tư tưởng, quy phạm và chế định pháp lý dân chủ và tiến bộ mà ở vào những thời điểm nào đó đã được ghi nhận trong lĩnh vực luật hình sự. Toà án giáo hội chẳng những trừng trị những hành vi mà còn trừng trị cả những “quan điểm và ý nghĩ tội lỗi”. Toà án giáo hội kết án không cần dựa vào pháp luật mà chỉ dựa vào sự suy xét của cái gọi là “Toà án thiêng liêng”.

Hình phạt không chỉ được áp dụng đối với bị cáo mà còn được áp dụng đối với vợ chồng, con cái và những người thân thích đời thứ ba của người phạm tội. Hình phạt không hướng tới mục đích cải tạo giáo dục người phạm tội mà nhằm gây đau đớn thể xác, xúc phạm danh dự nhân phẩm của họ và gây hoảng sợ cho các tín đồ tôn giáo khác. Những hình phạt khác ngoài hình phạt tử hình mà Toà án giáo hội áp dụng đối với người phạm tội, thường không được xác định rõ về thời hạn. Hình phạt cũng có thể kéo dài và tăng nặng cả trong thời gian người phạm tội đang chấp hành hình phạt đã áp dụng. Thực tiễn xét xử của Toà án giáo hội còn cho thấy rằng đối với một hành vi phạm tội, người phạm tội có thể bị trừng trị nhiều lần.

Thật khó mà hình dung hết những biện pháp và hình thức tác động mà Toà án giáo hội đã áp dụng đối với người phạm tội và đối với cả những người thân thích của họ. Điều đáng nói là những biện pháp và hình thức tác động mang tính chất cưỡng bức tinh thần, tra đập nhân phẩm, gây đau đớn về thể xác đó đã được các Toà án giáo hội áp dụng ròng rã gần một chục thế kỷ. Điều nữa, Toà án giáo hội không bao giờ tuyên một bản án minh oan cho người bị đưa ra xét xử. Dĩ nhiên

cũng có những trường hợp, vụ án được đình chỉ tố tụng do không chứng minh được tội phạm và người phạm tội, song chúng có thể bị phục hồi tố tụng vào bất kỳ thời gian nào.

Sự phát triển của lịch sử nhân loại được đặc trưng bởi xu hướng nhân đạo hoá các quan hệ xã hội, mở rộng phạm vi áp dụng nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự. Ngay trong lòng chế độ xã hội chiếm hữu nô lệ và sau đó là chế độ xã hội phong kiến, đã bắt đầu hình thành và phát triển những tư tưởng tiến bộ như bình đẳng trước pháp luật, đối xử nhân đạo với người vi phạm pháp luật, phòng ngừa vi phạm pháp luật, .... Vào thế kỷ thứ IV trước công nguyên, nhà triết học cổ đại Hy Lạp, Democrit đã viết rằng: “Việc giáo dục con người bằng sự thuyết phục và bằng những lý lẽ của lý trí tỏ ra có hiệu quả hơn so với áp dụng pháp luật và sự cưỡng bức đối với họ”. Một ngàn năm trăm năm sau, nhà triết học phương Đông, AL-PHARABI (thế kỷ IX đến thế kỷ X) khi phát triển tư tưởng này, đã nhấn mạnh ý nghĩa của các nguyên tắc như: trách nhiệm cá nhân, đối xử bình đẳng và nhân đạo đối với con người<sup>5</sup>. Trong thế kỷ thứ XVI, khi khẳng định tính mạng con người là giá trị lớn nhất, Tomas Mor đã lên tiếng chống lại các loại hình phạt dã man của thời trung cổ. Theo Tomas Mor “Chúa trời đã nghiêm cấm việc giết người bất kể đó là ai, còn chúng ta lại khoan khoái giết họ chỉ vì những đồng xu nhỏ bị cướp đi”<sup>6</sup>.

Cùng với sự mọc lên ngày càng nhiều các thành phố, sự phát triển của ngành thủ công nghiệp, sự hình thành các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, những tư tưởng mang tính nhân đạo trên đây ngày ngày được phổ biến một cách rộng rãi và ngày càng trở thành khuynh hướng chính trị – xã hội rõ ràng. Các quan điểm mới tiến bộ về tổ chức

<sup>5</sup> Xem: G.S. Kelina, V.N. Kudrjasev “Các nguyên tắc của Luật Hình sự Xô Viết, Nxb Khoa học, Matxcova, 1988, tr 41 (tiếng Nga).

<sup>6</sup> Xem: T.MOR – Tiểu thuyết viễn tưởng, Nxb Khoa học, Matxcova, 1978, tr. 138 (Tiếng Nga).

<sup>4</sup> Xem: GRIGULEVICH. I. P. Toà án giáo hội, xuất bản lần thứ hai, Nxb pháp lý, Matxcova, 1976, tr. 278 (tiếng Nga).

cũng như những nguyên tắc về hoạt động của tư pháp hình sự được hình thành dưới sự tác động mạnh mẽ của những thành tựu phát minh, nghiên cứu của khoa học tự nhiên trong kỷ nguyên khai sáng ở nước Pháp. Con người, việc đào tạo và giáo dục con người, các vấn đề về “Tự do ý chí” của con người, về nguyên nhân của các hành vi vi phạm pháp luật, về tổ chức hợp lý đời sống xã hội,... ngày càng được quan tâm nghiên cứu và đã trở thành nội dung của các quan điểm và tư tưởng về pháp luật hình sự mới. Nhưng các lợi ích kinh tế và các lợi ích xã hội của các lực lượng thuộc các giai cấp mới đang bước lên vũ đài chính trị mới là động lực chính thúc đẩy cuộc đấu tranh chống lại Nhà nước phong kiến và hệ thống pháp luật của nó. Ngay cả các tầng lớp nhân dân mà tiên phong là giới trí thức cách mạng cũng nhận thức được sự cần thiết phải giải phóng con người khỏi những quan hệ sản xuất phong kiến, xây dựng một thượng tầng chính trị – pháp lý phù hợp với cơ sở hạ tầng tư bản chủ nghĩa đang dần dần được thiết lập.

Đánh giá các quan điểm của các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản đang bước lên nắm quyền lực, Ph. Angghen đã viết rằng “Những người vĩ đại đang khai sáng ở nước Pháp, để tiến đến gần với cách mạng, hãy tự mình hành động thật cách mạng. Hãy phê phán không khoan nhượng về tôn giáo, về sự nhận thức tự nhiên, về xã hội, về chế độ xã hội – những thứ mà lẽ ra đã phải bị phê phán từ lâu, những thứ mà lẽ ra phải đưa ra trước toà án của trí tuệ để hoặc là lập luận cho sự tồn tại của chúng hoặc là phải từ chối chúng”<sup>7</sup>. Điều này cũng liên quan đến các qui định của pháp luật. Chính trong thời kỳ này, người ta bắt đầu soạn thảo các dự án luật hình sự dựa trên các nguyên tắc tiến bộ, trong đó có nguyên tắc nhân đạo. Một trong những ấn phẩm đầu tiên thể hiện những quan điểm mới về pháp luật hình sự là cuốn

sách: “Bàn về tinh thần của pháp luật”, xuất bản năm 1748 của Sharlja Mon'teskiơ. Khi phê phán nền tư pháp phong kiến, Sharlja Mon'teskiơ đã đưa ra một loạt các nguyên tắc của pháp luật mà theo ông, chúng xuất phát từ bản chất con người và các điều kiện tự nhiên của đời sống xã hội: Thứ nhất, không phải là tinh thần nghiêm khắc của hình phạt mà là tính không tránh khỏi hình phạt mới có thể góp phần đấu tranh với tội phạm một cách có hiệu quả; nhà làm luật giỏi không chỉ biết trừng trị mà còn phải biết tăng cường khía cạnh đạo đức của hình phạt; Thứ hai, phải đảm bảo sự tương xứng giữa hình phạt và tội phạm; Thứ ba, không cho phép pháp luật trừng trị sự suy nghĩ, ý định, quan điểm, chính kiến khi chúng chưa được thể hiện bằng những hành vi cụ thể; Thứ tư, tội phạm và hình phạt cần được qui định rõ ràng trong đạo luật và nhân dân có quyền được biết về đạo luật đó<sup>8</sup>. Sharlja Mon'teskiơ tiếp tục phát triển những tư tưởng trên đây trong các tác phẩm khác của mình, duy trì quan điểm cho rằng: “ở những quốc gia mà sự cai trị dựa trên những phương thức tàn bạo, sự sợ hãi hình phạt thực sự đã làm mất đi mọi ý nghĩa phòng ngừa của nó”<sup>9</sup>. Các nguyên tắc của luật hình sự, trong đó có nguyên tắc nhân đạo nhìn từ góc độ quan điểm dân chủ tư sản, cũng được thể hiện trong tác phẩm nổi tiếng của nhà luật học người Italia Ch.bekkaria “Bàn về tội phạm và hình phạt” được xuất bản vào năm 1764. Khi phê phán kịch liệt tính chất tàn bạo và bất bình đẳng của luật hình sự phong kiến, sự tùy tiện một cách vô độ của nhà thờ, Ch.bekkaria đã lập luận một cách có cơ sở khoa học cho các nguyên tắc của luật hình sự như: pháp chế (không có tội phạm và hình phạt nếu không được quy định trong đạo luật hình sự); hình phạt phải tương xứng với hậu quả mà tội phạm đã gây ra; không tránh khỏi trách nhiệm; phòng ngừa tội phạm bằng các

<sup>7</sup> Xem: C. Mác, Ph. Angghen, Toàn tập, Tập 20, Nxb Chính trị quốc gia Liên xô, Matxcova, 1959, tr. 16 (tiếng Nga).

<sup>8</sup> Xem: SHARLIA – MONTESKIO - Hợp tuyển, Nxb Khoa học, Matxcova, M, 1955, tr. 231, 233, 238.

<sup>9</sup> Xem: Sách đã dẫn, tr. 66.

biện pháp tác động xã hội (xoá bỏ nạn thất nghiệp, tăng cường giáo dục v.v). Ch.bekkaria đã vạch trần nền tảng cơ bản nhất của luật hình sự phong kiến, do vậy các quan điểm của Ông có vai trò hết sức to lớn đối với sự hình thành các quan niệm tiến bộ của các nhà luật học khác về luật hình sự. Vol'ter đã phát triển và bình luận hết sức cụ thể các tư tưởng của Ch.bekkaria khi Ông bàn về nền tư pháp phong kiến "sự tùy tiện, vô pháp luật, trái pháp luật, sự dă man và thiếu xác định tràn ngập khắp mọi nơi và cuối cùng những thứ đó được các thẩm phán sử dụng một cách triệt để – là một sự nhục nhã cho nước Pháp"<sup>10</sup>. Vol'ter đề nghị thiêu huỷ tất cả các đạo luật cũ và xây dựng các đạo luật mới dựa trên nền tảng trí tuệ, hiểu biết bản chất của tội phạm và hình phạt để chúng thực sự bình đẳng và nhân đạo.

Những tư tưởng tiến bộ về luật hình sự cũng được thể hiện trong các tác phẩm của các nhà triết học duy vật thế kỷ thứ XVIII của nước Pháp như Gel'vexia, Didro, Gol'bakh, Russo. Những nhà triết học duy vật này đều nhấn mạnh vai trò của các nguyên tắc pháp chế, không tránh khỏi trách nhiệm, bình đẳng, công bằng, cá thể hoá trách nhiệm hình sự. Chẳng hạn, nhà triết học duy vật Didro cho rằng; "Nhà làm luật thực hiện được chức năng của mình khi đảm bảo cho mọi người được tự do bình đẳng, tạo cho họ khả năng được sống bình yên và hạnh phúc"<sup>11</sup>.

Để nhận thức lịch sử phát triển những tư tưởng tiến bộ, trong đó có tư tưởng nhân đạo về luật hình sự, không thể không đề cập đến các công trình nghiên cứu của những người theo chủ nghĩa xã hội không tưởng. Chẳng hạn, Morelli vào năm 1755 đã cho xuất bản tác phẩm "pháp luật của tự nhiên hoặc tinh thần hợp chân lý tự nhiên của pháp luật", trong đó Ông trình bày các quan niệm của

mình về hoạt động lập pháp trong tương lai trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Cơ sở để đấu tranh với tội phạm, theo Morelli là xoá bỏ sở hữu tư nhân; mọi người trong xã hội đều được bình đẳng thì việc phạm tội trở thành điều vô lý. Morelli cũng đánh giá cao vai trò của các nguyên tắc luật hình sự như trách nhiệm cá nhân; trách nhiệm dựa trên cơ sở lỗi; tương xứng giữa hình phạt và tội phạm; không tránh khỏi trách nhiệm; bình đẳng về trách nhiệm; nhân đạo trong áp dụng trách nhiệm v.v.

Đến nửa sau thế kỷ thứ XVIII, tại nước Pháp xuất hiện một loạt các tác phẩm được đánh giá là các Bộ luật Hình sự "mẫu". Trong số những tác phẩm đó, ngoài tác phẩm của Morelli, còn có "Kế hoạch lập pháp hình sự" của Zjumon (1784), "các nguyên tắc của luật hình sự" của Bernard (1780), "Lý luận về luật hình sự" của Brisso (1782) v.v... Có ý nghĩa hết sức to lớn đối với đời sống chính trị – xã hội của nước Pháp trước thêm và trong những năm cách mạng tư sản, là tác phẩm "Kế hoạch lập pháp hình sự" của Marat (1782). Trong tác phẩm này, Marat đã chỉ rõ bản chất giai cấp chống lại nhân dân của luật hình sự phong kiến và lớn tiếng kêu gọi xoá bỏ nó, nhấn mạnh mối liên hệ mật thiết giữa hoạt động lập pháp với trật tự xã hội, dững cảm lên tiếng bênh vực lợi ích của các tầng lớp nhân dân bị áp bức bóc lột. Cũng trong tác phẩm này, Marat đã nêu ra các nguyên tắc của luật hình sự: a) Bảo đảm tính chính xác của các quy định của đạo luật hình sự, "Điều quan trọng là làm sao để mỗi người hiểu được một cách đầy đủ nội dung của các quy phạm pháp luật và biết rõ được vì sao phải chịu hậu quả pháp lý khi vi phạm pháp luật"; b) Hạn chế áp dụng điều cấm hình sự; c) Công bố bắt buộc các đạo luật; d) Ưu tiên phòng ngừa tội phạm; đ) Không có tội phạm và hình phạt nếu không quy định trong đạo luật hình sự; e) Mọi công dân bình đẳng trước pháp luật; g) Hình phạt phải tương ứng với mức độ và tính chất nguy hiểm của tội phạm; h) Nhân đạo và cá thể

<sup>10</sup> Xem: VOL'TER – Hợp tuyển, Nxb Khoa học, Matxcova, 1954, tr. 156 (tiếng Nga).

<sup>11</sup> Xem: DIDRO, Toàn tập, tập VII, Nxb Khoa học, Matxcova, 1955 tr. 242 (tiếng Nga).

hoá hình phạt; i) Trách nhiệm cá nhân: hình phạt không áp dụng đối với các thành viên vô tội trong gia đình của người phạm tội; k) Không tránh khỏi trách nhiệm: “không phải mức độ ít nghiêm khắc của hình phạt mà chính tính không bị trừng phạt của tội phạm đã làm cho các đạo luật mất tác dụng”<sup>12</sup>. Đánh giá tác phẩm này của Marat, nhà khai sáng người Pháp Brisso đã nhấn mạnh: “Đây là kế hoạch được soạn thảo dành cho nhân dân của xã hội mới – xã hội tự do”. Thực ra, ở vào giai đoạn đó, những tư tưởng của Marat đã không thể thực hiện được mà chỉ là những ảo vọng mà thôi. Đề cao những khả năng to lớn của hoạt động lập pháp, nhưng Marat và các đồng nghiệp của ông không vượt ra được ngoài những khuôn khổ của cuộc sống, của giai cấp ở thời đại mà họ đang sống. Tuy nhiên, những tư tưởng tiến bộ đó có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với cuộc đấu tranh chống lại sự thống trị của giai cấp phong kiến.

Sau khi giành được chính quyền từ tay giai cấp phong kiến, giai cấp tư sản đã tiến hành một loạt các công cuộc cải cách trong lĩnh vực pháp luật, trong đó có luật pháp hình sự và tố tụng hình sự mà ở mức độ này hay mức độ khác ghi nhận được những tư tưởng dân chủ và nhân đạo của các nhà khai sáng và các nhà triết học lỗi lạc. Tòa án được tách khỏi hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước; vai trò của luật sư và của bồi thẩm đoàn được đề cao; tính công khai của hoạt động xét xử ngày càng được tăng cường; nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật được ghi nhận về mặt hình thức. Tuy nhiên, những thay đổi đó, như chúng ta đã biết, diễn ra không liên tục và trong phạm vi giới hạn nhất định. Khi chế độ xã hội phong kiến đã bị xoá bỏ và khi các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã được xác lập, thì giai cấp tư sản thành lập ra các

thể chế chính trị và pháp luật mà như Ph. Angghen đã nhấn mạnh “là sự thâm hiểm, là điều lố bịch trước những lời hứa tuyệt vời của các nhà khai sáng”<sup>13</sup>. Tiếp tục phát triển nhận xét này, Ph. Angghen viết: “Bây giờ chúng ta biết... rằng, nguyên tắc bình đẳng vĩnh hằng không còn tồn tại trong luật hình sự tư sản, rằng sự bình đẳng của công dân trước pháp luật chỉ còn mang tính hình thức và một trong những quyền thực tế của con người đã được công bố... sở hữu tư nhân đối với tài sản”<sup>14</sup>.

Nếu đối chiếu những tư tưởng và nguyên tắc của luật hình sự mà các nhà khai sáng người Pháp và các nhà dân chủ tư sản khác đã nêu ra với những nguyên tắc mà giai cấp tư sản đã ghi nhận trong luật hình sự, chúng ta dễ dàng nhận thấy rằng, ở mức độ này hay mức độ khác, giai cấp tư sản chỉ ghi nhận trong luật hình sự những nguyên tắc xuất phát từ những quan niệm trong khoa học tự nhiên về “cơ chế hành vi con người”, do vậy ở nghĩa chính trị, chúng thường mang tính trung lập. Đó là những nguyên tắc: trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm dựa trên cơ sở lỗi, hình phạt phải tương xứng với thiệt hại mà tội phạm đã gây ra. Những nguyên tắc nào liên quan trực tiếp đến các lợi ích chính trị và kinh tế đều không được ghi nhận. Sự tăng cường và củng cố quyền lực Nhà nước tư sản nhanh chóng dẫn đến việc giai cấp đó thường xuyên vi phạm các nguyên tắc có tính bình đẳng và nhân đạo của việc xử lý tội phạm và người phạm tội. Nguyên tắc không tránh khỏi trách nhiệm hình sự được ghi nhận để trước hết là áp dụng đối với những người đại diện cho giai cấp vô sản. Đồng thời trách nhiệm hình sự cũng được áp dụng một cách rộng rãi đối với ý nghĩ, tư duy, quan điểm tiến bộ của giai cấp vô sản.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin trong các tác phẩm của mình đặc biệt

<sup>12</sup> Xem: Lý luận về luật hình sự, ZH. MARAT, Nxb pháp lý Matxcova, 1956, tr. 104 và các trang tiếp đó (tiếng Nga).

<sup>13</sup> Xem: C.Mác, Ph. Angghen, Toàn tập, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia Liên xô, Matxcova, 1959 tr. 17 (tiếng Nga).

<sup>14</sup> Sách đã dẫn, tr. 17.

nhấn mạnh các nguyên tắc bình đẳng, dân chủ, nhân đạo trong tổ chức và hoạt động của tư pháp hình sự bởi “không thể xoá bỏ sự nghèo đói xã hội như người ta đang xoá bỏ quyền lực của nhà vua hoặc của tôn giáo”<sup>15</sup>. Để xoá bỏ sự nghèo đói xã hội, cần phải thay đổi chính bản thân chế độ xã hội đó. Lập luận rõ bản chất xã hội và các nguyên nhân của vi phạm pháp luật và tội phạm, chứng minh nguồn gốc giai cấp của các hệ thống pháp luật, trong đó có luật hình sự, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin tiếp thu, ủng hộ và phát triển các nguyên tắc dân chủ, nhân đạo – thành quả cuộc đấu tranh nhiều thế kỷ của các thế hệ những nhà tư tưởng tiến bộ. Đúng như V. I. Lênin đã nhấn mạnh “Chủ nghĩa Mác hoàn toàn không vứt bỏ các thành tựu giá trị của thời đại tư sản mà ngược lại, tiếp thu, tái khẳng định những giá trị của hơn hai ngàn năm phát triển của tư duy và văn hoá nhân loại”<sup>16</sup>. Trong các tác phẩm của mình C. Mác và Ph. Angghen, V. I. Lênin tiếp tục phát triển các nguyên tắc dân chủ, nhân đạo trong tổ chức và hoạt động của tư pháp hình sự, trong đấu tranh với vi phạm pháp luật và tội phạm trong điều kiện xã hội xã hội chủ nghĩa. “Luật hình sự, như C. Mác đã nhấn mạnh: “Cần thể hiện một cách có ý thức ý chí của nhân dân lao động và phải phù hợp với trình độ phát triển của khoa học”<sup>17</sup>. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin đánh giá cao vai trò của việc phòng ngừa tội phạm bằng các biện pháp xã hội, chỉ rõ những hạn chế của việc sử dụng các chế tài nghiêm khắc của luật hình sự: “Nhà làm luật thông thái phải biết phòng ngừa tội phạm, phải biết làm sao để không phải áp dụng hình phạt đối với nó”<sup>18</sup>.

<sup>15</sup> Xem: C. Mác, Ph. Angghen – Tuyển tập, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Liên xô, Matxcova, 1959, tr. 570 (tiếng Nga).

<sup>16</sup> Xem: V. I. Lênin, Tuyển tập, Tập 41, Nxb Tiến bộ, Matxcova, 1974, tr. 337 (tiếng Nga).

<sup>17</sup> Xem: C. Mác, Ph. Angghen – Toàn tập, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Liên xô, Matxcova, 1959 tr. 163 (tiếng Nga).

<sup>18</sup> Sách đã dẫn, tr. 131.

V. I. Lênin cũng đã hơn một lần nhấn mạnh ý nghĩa của phòng ngừa tội phạm. Trong các tác phẩm của mình, V. I. Lênin đã xem xét một cách toàn diện các vấn đề về trách nhiệm hình sự và tự do ý chí, về cưỡng chế và thuyết phục, giáo dục và cải tạo người vi phạm pháp luật, tố tụng công khai và huy động sức mạnh của xã hội tham gia đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, lúc sinh thời cũng đã hơn một lần nhấn mạnh điều hợp lẽ phải, những cái thuộc về “lẽ ở đời”, “đạo làm người” của pháp luật. Theo người “nghĩ cho cùng, vấn đề tư pháp cũng như mọi vấn đề khác, trong lúc này là vấn đề ở đời, đạo làm người, ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ, bị áp bức”<sup>19</sup>. Nhận thức đúng đắn về tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm, trên cơ sở đó đánh giá được khả năng to lớn và tính nổi trội và sự hạn chế của các loại biện pháp pháp lý Hồ Chí Minh đã đòi hỏi “lấy giáo dục làm chính” vì theo Người, lỗi lầm của con người là nhất thời, “phần nhiều do giáo dục mà nên”, vì vậy “xét xử đúng là tốt, nhưng nếu không xét xử thì càng tốt hơn”. Hồ Chủ tịch còn nói “Lỗi lầm có việc to, việc nhỏ. Nếu nhất loạt không xử phạt tù thì sẽ mất cả kỷ luật, thì sẽ mở đường cho bọn cố ý phá hoại. Vì vậy, hoàn toàn không dùng xử phạt là không đúng. Mà chút gì cũng dùng đến xử phạt cũng không đúng”<sup>20</sup>.

Các luận điểm của C. Mác, Ph. Angghen, V.I. Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh về tội phạm và hình phạt là nền tảng lý luận của nguyên tắc nhân đạo được phản ánh trong luật hình sự nước ta hiện nay, được các nhà luật học xã hội chủ nghĩa, trong đó có các nhà luật học Việt Nam tiếp tục phát triển và hoàn thiện làm cho luật hình sự không những công bằng, bình đẳng, dân chủ... mà còn nhân đạo sâu sắc.

<sup>19</sup> Xem: Hồ Chí Minh, Nhà nước và pháp luật, T.3, NXB. Lao động, 1971, tr. 138.

<sup>20</sup> Xem: XYZ Sửa đổi lề lối làm việc, NXB. Sự thật, Hà Nội, tr. 69.